

Bản án số: 08/2019/DS-ST

Ngày: 11-9-2019

V/v: Tranh chấp HĐ vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Võ Kỳ Anh

Hội thẩm nhân dân : 1. Ông Thiệu Khắc Yên.

2. Bà Nguyễn Thị Anh.

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Lại Thị Minh Hồng – Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống tham gia phiên toà: Ông Đỗ Anh Quang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11/9/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Nông Cống xét xử sơ thẩm công khai vụ án: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thụ lý số 08/2019/TLST-DS ngày 26 tháng 3 năm 2019, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2019/QĐXX-ST ngày 06/8/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, Sinh năm 1961.

Trú tại: Thôn Đại Đồng, xã Tế Thắng, huyện Nông Cống, Thanh Hóa.

- Bị đơn: 1. Ông Lê Văn D, sinh năm 1969.

2. Bà Cao Thị L, sinh năm 1971.

Đều trú tại: Thôn Đại Đồng, xã Tế Thắng, huyện Nông Cống, Thanh Hóa.

- Người bảo vệ quyền và nghĩa vụ cho nguyên đơn Nguyễn Thị N: Bà Nguyễn Thị Quế - trợ giúp viên pháp lý, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Thanh Hóa.

- Người bảo vệ quyền và nghĩa vụ cho bị đơn Cao Thị L: Bà Nguyễn Thị Nữ Hoàng - trợ giúp viên pháp lý, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên toà có mặt bà N, bà L, bà Quế và bà Hoàng vắng mặt ông D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 20/02/2019 và tại bản tự khai ngày 12/4/2019 nguyên đơn là bà Nguyễn Thị N trình bày: Ngày 20/7/2017(âm lịch) bà có cho vợ chồng ông Lê Văn D và bà Cao Thị L vay số tiền 8.000.000đ, lãi xuất

1,5%/tháng. Năm 2017 gia đình ông D đã trả lãi xong đầy đủ, từ 01/01/2018 đến 30/5/2018 tổng số lãi là 600.000đ, vợ chồng ông D mới trả được cho bà 550.000đ tiền lãi, còn lại 50.000đ chưa trả. Đến ngày 08/12/2018, ông D có trả cho bà số tiền là 3.500.000đ, trong đó tiền lãi từ 01/6/2018 đến ngày 08/12/2018 là 752.000đ còn lại 2.748.000đ là tiền gốc và từ đó đến nay, gia đình ông D không trả thêm bất kỳ đồng tiền gốc và lãi nào cho bà. Vì vậy bà khởi kiện vợ chồng ông D, bà L yêu cầu trả số tiền gốc là 5.252.000đ và số tiền lãi từ 08/01/2018(âm lịch) đến ngày khởi kiện là 99.000đ.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Nguyễn Thị N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Nhung và bà L phải trả số tiền gốc còn nợ của bà là 5.252.000đ và số tiền lãi kể từ ngày 08/12/2018(âm lịch) đến ngày xét xử là $5.252.000đ \times 1,5\%/tháng = 710.000đ$ và số tiền lãi sau khi xét xử cho đến khi trả nợ xong toàn bộ số tiền nợ.

- *Tại bản tự khai ngày 29/5/2019, cũng như tại biên bản hòa giải, bị đơn là bà Cao Thị L trình bày:* Vợ chồng bà có vay của bà Nguyễn Thị N số tiền 8.000.000đ, lãi xuất 3%/tháng, hàng tháng vợ chồng bà vẫn trả lãi đều cho bà N. Đến tháng 8/2017, khi được vay vốn xóa đói giảm nghèo, ông D có trả cho bà N số tiền 5.000.000đ, sau khi trả tiền, bà N đã hạ lãi xuống còn 1,5%/tháng. Đến ngày 08/12/2018 vợ chồng bà tiếp tục trả cho bà N thêm số tiền 3.500.000đ, vì vậy đến thời điểm hiện tại gia đình bà không còn nợ bất kỳ đồng nào của bà N nữa, vì vậy bà không đồng ý trả nợ tiếp cho bà N.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Cao Thị L cho rằng gia đình bà đã trả đầy đủ gốc và lãi cho bà N, đối với số tiền 5.000.000đ do khi trả không viết giấy nhận tiền với bà N nên không có chứng cứ chứng minh. Tuy nhiên thực tế bà đã trả đầy đủ gốc và lãi nên bà không đồng ý tiếp tục trả nợ theo khởi kiện của bà N.

- *Tại biên bản lấy lời khai đương sự ngày 28/5/2019 bị đơn là ông Lê Văn D trình bày:* Việc vợ chồng ông vay số tiền 8.000.000đ của bà N là đúng nhưng đến tháng 8/2017(âm lịch) khi được vay vốn xóa đói, giảm nghèo, ông đã đưa trả bà N số tiền gốc là 5.000.000đ, còn nợ lại 3.000.000đ nhưng khi trả tiền, vì là hàng xóm với nhau nên ông không yêu cầu bà N viết giấy nhận tiền. Đến tháng 12/2018(âm lịch) khi bà L lấy được lương, ông đưa tiếp số tiền 3.500.000đ sang trả cho bà N thì bà N cho rằng vợ chồng ông vẫn còn nợ số tiền 5.000.000đ chưa trả. Vì vậy ông cho rằng, gia đình ông đã trả đầy đủ tiền gốc và lãi cho bà N rồi và sẽ không đồng ý tiếp tục trả nợ số tiền bà N đang khởi kiện.

- *Quan điểm của bà Nguyễn Thị Quế là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn Nguyễn Thị N:* Tháng 8/2017(âm lịch) vợ chồng ông D, bà L có vay của bà N số tiền 8.000.000đ và có viết giấy vay nợ, lãi xuất 1,5%/tháng, thời hạn vay là 1 năm. Sau khi vay, gia đình ông D mới trả được toàn bộ lãi đến hết ngày 08/12/2018(âm lịch) và trả được 2.748.000đ tiền gốc. Số tiền gốc còn lại là 5.252.000đ và số tiền lãi từ ngày 08/12/2018(âm lịch) cho đến nay vẫn chưa trả. Vì vậy đề nghị Tòa án căn cứ vào điều 463, điều 466 của Bộ luật dân sự để buộc ông D và bà L phải trả số tiền còn nợ và lãi xuất cho đến khi trả hết toàn bộ số tiền gốc.

Đối với việc bà L và ông D cho rằng đã trả số tiền 5.000.000đ tiền gốc cho bà N vào tháng 8/2017 nhưng bà L không có chứng cứ gì chứng minh cho yêu cầu của mình. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu trên của bà L.

- Quan điểm của bà Nguyễn Thị Nữ Hoàng là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn Cao Thị L:

Tháng 8/2017 sau khi bà L vay được tiền từ quỹ xóa đói giảm nghèo, bà N đã đến nhà bà L để đòi số tiền nợ và bà L đã trả số tiền trên cho bà N. Khi trả tiền, vì là hàng xóm với nhau nên bà L không yêu cầu bà N phải viết giấy nhận tiền. Tuy nhiên các thời điểm mà bà L đã trình bày thì hoàn toàn phù hợp với thời điểm vay tiền của bà L và phù hợp với một số lời khai của bà N.

Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N về việc buộc bà L và ông D phải trả số tiền như yêu cầu.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống tại phiên tòa sơ thẩm:

*** Về tố tụng:**

- Về việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thu lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong việc xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách tố tụng của các đương sự; việc thực hiện các thủ tục tố tụng như xác minh thu thập chứng cứ, ban hành và giao các văn bản tố tụng đều đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã tuân theo đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật; Bị đơn chưa thực hiện các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự trong vụ án.

*** Về nội dung:**

- Về đường lối giải quyết vụ án:

Không có căn cứ để xác định ông D và bà L đã trả số tiền 5.000.000đ cho bà N, vì vậy cần áp dụng các điều 463; điều 466 chấp nhận yêu cầu của bà N, buộc ông D và bà L phải có nghĩa vụ trả số tiền gốc còn nợ cho bà N là 5.252.000đ và tiền lãi từ ngày 08/12/2018 (âm lịch) cho đến ngày xét xử cũng như chịu lãi xuất theo thỏa thuận đối với số tiền gốc phải thi hành kể từ sau khi xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong toàn bộ khoản nợ.

- Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 147 BLTTDS; điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị đơn Lê Văn D và Cao Thị L thuộc trường hợp hộ nghèo, vì vậy miễn án phí cho ông D và bà L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Giao dịch dân sự giữa bà Nguyễn Thị N với ông Lê Văn D và bà Cao Thị L là quan hệ vay tài sản theo quy định tại điều 463 Bộ luật Dân sự và là tranh chấp về Hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 2 điều 25 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Cao Thị L là người khuyết tật, có giấy chứng nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, vì vậy khi khởi kiện bà L không phải nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn là ông Lê Văn D và bà Cao Thị L là người có hộ khẩu thường trú và hiện đang cư trú tại Thôn Đại Đồng, xã Tế Thắng, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa, vì vậy tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị N với ông Lê Văn D và bà Cao Thị L thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nông Cống theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 35; khoản 1 điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 23/8/2019 Tòa án nhân dân huyện Nông Cống đã mở phiên tòa xét xử nhưng ông Lê Văn D vắng mặt không có lý do, vì vậy phải hoãn phiên tòa.

Ngày 11/9/2019 Tòa án nhân dân huyện Nông Cống tiếp tục đưa vụ án ra xét xử nhưng ông D vẫn tiếp tục không có mặt tại phiên tòa

Do đã tổng đạt hợp lệ hai lần cho bị đơn Lê Văn D nhưng ông D vẫn vắng mặt tại phiên tòa, vì vậy cần áp dụng điều 227 và điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn Lê Văn D là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

- *Đối với số tiền vay, lãi xuất, thời hạn vay:* Hai bên đương sự đều thống nhất: Ngày 20/7/2017(âm lịch) ông Lê Văn D có vay của bà Nguyễn Thị N số tiền 8.000.000đ, lãi xuất 1,5%/tháng, thời hạn vay là 1 năm, khi vay ông D có viết giấy vay nợ với bà N.

Đối với số lãi thì bà N cho rằng bà cho vay với lãi xuất 1,5%/tháng, bà L cho rằng bà vay với lãi xuất 3%/tháng. Căn cứ vào giấy vay nợ ngày 20/7/2017(âm lịch) thì lãi xuất thỏa thuận là 1,5%/tháng.

Từ căn cứ trên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định ngày 20/7/2017 (âm lịch) ông Lê Văn D và bà Cao Thị L có vay của bà Nguyễn Thị N số tiền 8.000.000đ lãi xuất 1,5%/tháng, thời hạn vay 12 tháng

- *Đối với số tiền gốc và lãi đã trả:*

Bà Nguyễn Thị N cho rằng ông Lê Văn D mới trả cho bà số tiền gốc là 2.748.000đ và số tiền lãi đến ngày 08/12/2018(âm lịch). Đến thời điểm xét xử,

ông D vẫn còn nợ bà số tiền gốc là 5.252.000đ và số tiền lãi kể từ ngày 08/12/2018(âm lịch) đến ngày xét xử là 710.000đ và bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông D phải trả số tiền gốc và lãi trên cho bà cũng như phải chịu lãi đối với số tiền gốc còn nợ cho đến khi trả hết số tiền gốc.

Bị đơn là ông Lê Văn D và bà Cao Thị L cho rằng, tháng 8/2017 ông bà đã trả cho bà N số tiền gốc là 5.000.000đ nhưng không yêu cầu bà N viết giấy biên nhận, đến ngày 08/12/2018 ông bà tiếp tục trả số tiền gốc còn lại là 3.500.000đ. Đối với số tiền lãi, ông bà đã trả đầy đủ cho bà N đến hết ngày 08/12/2018. Vì vậy đến nay vợ chồng ông bà không còn nợ bất kỳ đồng nào của bà N nên không đồng ý trả nợ cho bà N nữa.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Cao Thị L vẫn giữ nguyên quan điểm đã trả đầy đủ gốc và lãi cho bà N rồi, vì vậy bà không đồng ý trả tiền cho bà N như yêu cầu khởi kiện.

Đánh giá quan điểm của các bên đương sự thấy rằng: bà Nguyễn Thị N có các chứng cứ chứng minh được việc gia đình ông D, bà L mới trả cho bà số tiền gốc là 2.748.000đ và toàn bộ số tiền lãi đến hết ngày 08/12/2018(âm lịch). Trong khi đó, bà L và ông D không có bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh cho việc đã trả hết toàn bộ tiền gốc. Vì vậy không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bị đơn, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận ông Lê Văn D và bà Cao Thị L còn nợ bà Nguyễn Thị N số tiền gốc là 5.252.000đ và đã trả lãi đến hết ngày 08/12/2018(âm lịch) tức là ngày 13/01/2019(dương lịch).

Đối với số tiền lãi bà Nguyễn Thị N yêu cầu thấy rằng: việc thỏa thuận lãi xuất của hai bên đương sự thỏa thuận lãi xuất 1,5%/tháng là phù hợp với khoản 1 điều 468 của Bộ luật Dân sự, vì vậy có cơ sở chấp nhận thỏa thuận về lãi xuất.

Đối với yêu cầu tiền lãi từ ngày 08/12/2018(âm lịch) tức là ngày 13/01/2019(dương lịch) đến ngày xét xử theo lãi xuất 1,5%/tháng và lãi xuất 1,5%/tháng tương ứng với số tiền gốc chưa thanh toán kể từ ngày xét xử cho đến khi trả hết tiền gốc thấy rằng: Yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp, đúng với các quy định của pháp luật, vì vậy có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[3] Về án phí: Bà Cao Thị L và Ông Lê Văn D thuộc diện hộ nghèo, vì vậy căn cứ điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2017 của UBTV Quốc hội để miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông D và bà L.

Vì những lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Điều 463; Điều 466; Điều 468; điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015; điều 227; điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N, buộc ông Lê Văn D và bà Cao Thị L, địa chỉ: Thôn Đại Đồng, xã Tế Thắng, huyện Nông Cống, Thanh Hóa phải trả cho bà Nguyễn Thị N địa chỉ: Thôn Đại Đồng, xã Tế Thắng, huyện Nông Cống, Thanh Hóa số tiền gốc là 5.252.000đ (*Năm triệu hai trăm năm mươi hai nghìn đồng*) và số tiền lãi tính từ ngày 13/01/2019 đến ngày xét xử 11/9/2019 là: 630.200đ(*Sáu trăm ba mươi nghìn hai trăm đồng*)

Tổng cả gốc và lãi buộc ông Lê Văn D và bà Cao Thị L, địa chỉ: Thôn Đại Đồng, xã Tế Thắng, huyện Nông Cống, Thanh Hóa phải trả cho bà Nguyễn Thị Nhung địa chỉ: Thôn Đại Đồng, xã Tế Thắng, huyện Nông Cống, Thanh Hóa số tiền là 5.882.200đ(Năm triệu tám trăm tám mươi hai nghìn hai trăm đồng)

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự 2015

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án, thỏa thuận thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí: điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Lê Văn D và bà Cao Thị L

3. Quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt bà N, bà L, vắng mặt ông D. Bà N và bà L có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ông D vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Nông Cống;
- Các bên đương sự;
- Chi cục THA DS Nông Cống;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Kỳ Anh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thiệu Khắc Yên Nguyễn Thị Anh

Võ Kỳ Anh